

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 Công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Lệ Thủy

1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

1.1. Công tác triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Ngay sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lệ Thủy tại Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 30/3/2023, UBND huyện đã yêu cầu UBND các xã, thị trấn tiến hành niêm yết công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đối với những nội dung liên quan đến địa phương mình để nhân dân được biết tại Thông báo số 747/TB-UBND ngày 08/4/2023.

Trong quá trình thực hiện, UBND huyện thường xuyên đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện kế hoạch sử dụng đất, đẩy nhanh tiến độ thực hiện thu hồi, GPMB các công trình, dự án triển khai thực hiện đúng tiến độ; ban hành các văn bản về đấu giá QSD đất, đặc biệt là phê duyệt chủ trương cho các xã, thị trấn làm chủ đầu tư các dự án đấu giá QSD đất nhỏ lẻ không đầu tư hạ tầng. Đối với các công trình, dự án có phát sinh trong năm kế hoạch sử dụng đất, UBND huyện đã kịp thời có văn bản đề nghị Sở Tài nguyên & Môi trường trình Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh bổ sung để có cơ sở triển khai thực hiện trong năm đúng quy định.

1.2. Kết quả thực hiện

1.2.1. Đánh giá chỉ tiêu thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

* Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp đã được phê duyệt là 125.489,77 ha, diện tích đất nông nghiệp năm 2023 là 126.706,92 ha, giảm so với hiện trạng năm 2022 là 22,18 ha¹, chiếm 1,79 % so với kế hoạch được phê duyệt. Cụ thể:

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 10.807,60 ha, diện tích năm 2023 là 10.922,68 ha, giảm so với hiện trạng năm 2022 là 3,03 ha, chiếm 2,57 % so kế hoạch được phê duyệt.

¹ Phần diện tích này đã chuyển sang để thực hiện các công trình: Cửa hàng xăng dầu tại xã Ngân Thủy; Tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Thủy; Tạo quỹ đất ở tại xã Ngư Thủy; Công trình hạ tầng kỹ thuật di dời lăng mộ xã Sơn Thủy phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Công trình Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn II tại xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy; Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A đến quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc; Trụ sở UBND xã Ngư Thủy; Chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc các xã, thị trấn trên toàn huyện trong năm 2023.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 5.562,88 ha, diện tích năm 2023 là 5.619,96 ha, giảm so với hiện trạng năm 2022 là 4,73 ha, chiếm 7,65 % so kế hoạch được phê duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 7.300,64 ha, diện tích năm 2023 là 7.429,13 ha, giảm so với hiện trạng năm 2022 là 0,33 ha, chiếm 0,26 % so kế hoạch được phê duyệt.

- Đất rừng phòng hộ: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 3.351,77 ha, diện tích năm 2023 là 3.341,63 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.

- Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 75.629,77 ha, diện tích đất rừng sản xuất năm 2023 là 76.622,58 ha, giảm so với hiện trạng năm 2022 là 14,09 ha, chiếm 1,40 % so kế hoạch được phê duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 408,82 ha, diện tích năm 2023 là 391,34 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.

- Đất nông nghiệp khác: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 77,63 ha, diện tích năm 2023 là 74,05 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

*** Đất phi nông nghiệp**

Diện tích đất phi nông nghiệp đã được phê duyệt là 12.514,22 ha, diện tích đất phi nông nghiệp năm 2023 là 11.117,63 ha, tăng so với hiện trạng năm 2022 là 28,17 ha², chiếm 1,98 % so với kế hoạch được phê duyệt. Cụ thể:

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 423,55 ha, diện tích năm 2023 là 179,61 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 3,36 ha, diện tích năm 2023 là 1,73 ha, tăng so với hiện trạng năm 2022 là 0,21 ha, chiếm 11,41 % so kế hoạch được phê duyệt.

- Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 531,63 ha, diện tích năm 2023 là 25,96 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.

- Đất thương mại dịch vụ: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 134,86 ha, diện tích năm 2023 là 64,02 ha, tăng so với hiện trạng năm 2022 là 2,24 ha, chiếm 3,07 % so kế hoạch được phê duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 46,90 ha, diện tích năm 2023 là 71,61 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.

² Phần diện tích này do thực hiện các công trình: Cửa hàng xăng dầu tại xã Ngân Thủy; Tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Thủy; Tạo quỹ đất ở tại xã Ngư Thủy; Công trình hạ tầng kỹ thuật di dời lăng mộ xã Sơn Thủy phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2015, đoạn qua địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Công trình Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường 30 nối Quốc lộ 1A với đường về nhà Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn II tại xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy; Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A đến quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc; Trụ sở UBND xã Ngư Thủy; Trụ sở công an xã An Thủy; Nhà văn hoá thôn Thạch Trung; Chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc các xã, thị trấn trên toàn huyện trong năm 2023.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 409,26 ha, diện tích năm 2023 là 327,88 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 188,20 ha, diện tích năm 2023 là 193,28 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 6.808,18 ha, diện tích năm 2023 là 6.489,68 ha, tăng so với hiện trạng năm 2022 là 18,73 ha, chiếm 5,55 % so kế hoạch được phê duyệt.
- Đất sinh hoạt cộng đồng: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 37,97 ha, diện tích năm 2023 là 37,38 ha, giảm so với hiện trạng năm 2022 là 0,13 ha.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 6,67 ha, diện tích năm 2023 là 6,67 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.
- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 1.184,18 ha, diện tích năm 2023 là 947,56 ha, tăng so với hiện trạng năm 2022 là 5,23 ha, chiếm 2,16 % so kế hoạch được phê duyệt.
- Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 90,22 ha, diện tích năm 2023 là 75,79 ha, tăng so với hiện trạng năm 2022 là 0,49 ha, chiếm 3,28 % so kế hoạch được phê duyệt.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 17,29 ha, diện tích năm 2022 là 16,60 ha, tăng so với hiện trạng năm 2022 là 1,43 ha, chiếm 67,45 % so kế hoạch được phê duyệt.
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 11,16 ha, diện tích năm 2023 là 11,16 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.
- Đất cơ sở tín ngưỡng: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 10,04 ha, diện tích năm 2023 là 8,91 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 1.446,46 ha, diện tích năm 2023 là 1.492,26 ha, giảm so với hiện trạng năm 2022 là 0,03 ha, chiếm 0,07 % so kế hoạch được phê duyệt.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 1.162,64 ha, diện tích năm 2023 là 1.165,88 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.
- Đất phi nông nghiệp khác: Chỉ tiêu đã được phê duyệt là 1,65 ha, diện tích năm 2023 là 1,65 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022.

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

*** Đất chưa sử dụng**

Diện tích đất chưa sử dụng đã được phê duyệt là 2.176,46 ha, diện tích đất chưa sử dụng năm 2023 là 2.355,90 ha, giảm so với hiện trạng năm 2022 là 5,99 ha³, chiếm 3,23 % so với kế hoạch được phê duyệt.

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

³ Phần diện tích này đã chuyển sang để thực hiện các công trình: Tạo quỹ đất ở tại xã Hồng Thủy; Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A đến quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc.

1.2.2. Đánh giá ưu điểm, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

**Ưu điểm:*

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được các yêu cầu về sử dụng đất trên địa bàn. UBND huyện đã kịp thời xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 ngay sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh; công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất được thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền của người sử dụng đất cũng như triển khai các công trình dự án trên địa bàn đúng tiến độ yêu cầu.

** Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân*

- Tồn tại:

- + Nhiều chỉ tiêu chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đã được phê duyệt.
- + Số liệu đầu vào của một số công trình, dự án do chủ đầu tư đăng ký có độ chính xác thấp dẫn đến khi triển khai thực hiện nhiều khi phải điều chỉnh.
- + Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ thực hiện, chủ yếu là các công trình, dự án về an ninh, quốc phòng.

- Nguyên nhân tồn tại:

- + Còn tồn tại nhiều vướng mắc do sự chông chéo, thiếu đồng bộ giữa quy hoạch phát triển các ngành, làm hạn chế không nhỏ trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất như: quy hoạch ba loại rừng, quy hoạch đô thị....
- + Chính sách bồi thường và giải phóng mặt bằng còn vướng mắc, gặp nhiều khó khăn khi Nhà nước thu hồi đất, làm chậm tiến độ xây dựng, thực hiện các công trình quy hoạch.
- + Nguồn vốn đầu tư hạn hẹp, gây khó khăn trong việc triển khai xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu, cụm công nghiệp.... dẫn đến nhiều công trình quy hoạch bị kéo dài hoặc không được triển khai.
- + Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa hoàn thành lập dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ thực hiện.
- + Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chưa thường xuyên. Tình trạng người sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.
- + Nhận thức của người dân trong việc chấp hành pháp luật đất đai; năng lực đội ngũ cán bộ quản lý đất đai cấp cơ sở còn nhiều hạn chế.
- + Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất sai

với quy hoạch, kế hoạch, vi phạm về đất đai vẫn còn cao và xử lý chưa kịp thời.

2. CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Công tác triển khai thực hiện

Theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Bình tại Công văn số 920/UBND-KT ngày 15/5/2023 về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2024, công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện phải hoàn thành và gửi hồ sơ về Sở TN&MT trước ngày 30/9/2023 để thẩm định theo quy định, UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên & Môi trường triển khai thực hiện theo yêu cầu.

Để các sở, ban ngành cấp tỉnh, các phòng ban, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn và UBND các xã, thị trấn chủ động trong việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024, ngày 12/6/2023, UBND huyện đã ban hành Công văn số 1382/UBND-TNMT về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Sau khi tiếp nhận văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, UBND huyện đã giao phòng Tài nguyên & Môi trường chỉ đạo đơn vị tư vấn tiến hành làm việc trực tiếp các phòng ban, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn về việc rà soát, kiểm tra nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Thực hiện Công văn số 3074/STNMT-QLĐĐ ngày 09/10/2023; Công văn số 3296/STNMT-QLĐĐ ngày 27/10/2023 của Sở Tài nguyên & Môi trường về việc khẩn trương hoàn thiện việc lập, nộp hồ sơ và trình thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện; UBND huyện đã giao phòng Tài nguyên & Môi trường phối hợp với các phòng ban, đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ báo cáo UBND huyện, đồng thời tham mưu UBND huyện tổ chức hội thảo về công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Ngày 26/10/2023, UBND huyện đã tổ chức hội thảo về công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Tại hội thảo, sau khi tiếp thu các ý kiến góp ý, đề xuất của các Phòng ban, đơn vị và UBND các xã, thị trấn; UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên & Môi trường hoàn chỉnh dự thảo danh mục các công trình, dự án báo cáo UBND huyện. Ngày 03/11/2023, UBND huyện đã có Tờ trình số 2738/TTr-UBND về việc đề nghị thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 gửi Sở Tài nguyên & Môi trường. Ngày 16/11/2023, Hội đồng thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 các huyện, thị xã, thành phố tiến hành họp và thẩm định các nội dung liên quan đến hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lệ Thủy. Tại buổi thẩm định, UBND huyện đã tiếp thu các ý kiến góp ý, đề xuất của các thành viên Hội đồng thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Sở Tài nguyên & Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt.

2.2. Kết quả lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

* Phân bố diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2024:

Tổng diện tích tự nhiên: 140.180,45 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 125.087,12 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 12.969,78 ha;
- Đất chưa sử dụng: 2.123,55 ha.

* Kế hoạch thu hồi đất năm 2024:

Tổng diện tích thu hồi: 1.797,12 ha, trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp: 1.553,74 ha;
- Thu hồi đất phi nông nghiệp: 243,38 ha.

* Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 1.709,94 ha;
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 31,34 ha;
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 13,25 ha.

* Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp: 45,03 ha.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: 187,32 ha.

Các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cụ thể như sau:

2.2.1. Đất nông nghiệp

Năm 2024, diện tích đất nông nghiệp là 125.087,12 ha, chiếm 89,23% tổng diện tích đất tự nhiên, giảm 1.619,80 ha so với hiện trạng năm 2023. Cụ thể:

a) Đất trồng lúa

Năm 2024, diện tích đất trồng lúa là 10.804,56 ha, giảm 118,12 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau: Đất quốc phòng; đất an ninh; đất khu công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sinh hoạt cộng đồng; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở cơ quan.

b) Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2024, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 5.478,36 ha, giảm 141,60 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau: Đất an ninh; đất khu công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sinh hoạt cộng đồng; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở cơ quan.

c) Đất trồng cây lâu năm

Năm 2024, diện tích đất trồng cây lâu năm là 7.306,02 ha, giảm 123,11 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau: Đất quốc phòng; đất khu công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sinh hoạt cộng đồng; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị.

d) Đất rừng phòng hộ

Năm 2024, diện tích đất rừng phòng hộ là 3.350,95 ha, tăng 9,32 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích tăng 165,00 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất rừng sản xuất; đất chưa sử dụng. Diện tích giảm 155,68 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất quốc phòng; đất khu công nghiệp; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

e) Đất rừng đặc dụng

Năm 2024, diện tích đất rừng đặc dụng là 22.350,66 ha, tăng 45,11 ha so với hiện trạng năm 2023 do lấy từ các loại đất sau: Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

f) Đất rừng sản xuất

Năm 2024, diện tích đất rừng sản xuất là 75.308,92 ha, giảm 1.313,66 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau: Đất rừng phòng hộ; đất nuôi trồng thủy sản; đất nông nghiệp khác; đất quốc phòng; đất an ninh; đất khu công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sinh hoạt cộng đồng; đất ở tại nông thôn.

g) Đất nuôi trồng thủy sản

Năm 2024, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 408,01 ha, tăng 16,67 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích tăng 22,30 ha do lấy từ đất rừng sản xuất; Diện tích giảm 5,63 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất khu công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất ở tại nông thôn).

h) Đất nông nghiệp khác

Năm 2024, diện tích đất nông nghiệp khác là 79,64 ha, tăng 5,59 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích tăng 9,04 ha do lấy từ đất rừng sản xuất; Diện tích giảm 3,45 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất khu công nghiệp; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

2.2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp

Năm 2024, diện tích đất phi nông nghiệp là 12.969,78 ha, chiếm 9,25% tổng diện tích đất tự nhiên, tăng 1.852,15 ha so với hiện trạng năm 2023. Cụ thể:

a) Đất quốc phòng

Năm 2024, diện tích đất quốc phòng là 417,59 ha, tăng 237,98 ha so với hiện trạng năm 2023 do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây lâu năm; đất rừng phòng hộ; đất rừng sản xuất; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

b) Đất an ninh

Năm 2024, diện tích đất an ninh là 8,24 ha, tăng 6,51 ha so với hiện trạng năm 2023 do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất rừng sản xuất; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất chưa sử dụng.

c) Đất khu công nghiệp

Năm 2024, diện tích đất khu công nghiệp là 568,08 ha, tăng 542,12 ha so với hiện trạng năm 2023 do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất rừng phòng hộ; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất nông nghiệp khác; đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sinh hoạt cộng đồng; đất ở tại nông thôn; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất chưa sử dụng.

d) Đất thương mại, dịch vụ

Năm 2024, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 508,65 ha, tăng 444,63 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích tăng 448,78 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất ở tại nông thôn; đất có mặt nước chuyên dùng; đất chưa sử dụng. Diện tích giảm 4,15 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất khu công nghiệp; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

e) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Năm 2024, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 70,54 ha, giảm 1,07 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích giảm 1,52 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất quốc phòng; đất thương mại, dịch vụ; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Diện tích tăng 0,45 ha do lấy từ đất rừng sản xuất).

f) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Năm 2024, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 481,42 ha, tăng 153,54 ha so với hiện trạng năm 2023 do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,01 ha; đất chưa sử dụng.

g) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Năm 2024, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 188,20 ha, giảm 5,08 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang đất khu công nghiệp.

h) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Năm 2024, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 6.804,88 ha, tăng 315,20 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích tăng 367,66 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất rừng phòng hộ; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất nông nghiệp khác; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sinh hoạt cộng đồng; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị; đất tín ngưỡng; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất có mặt nước chuyên dùng; đất chưa sử dụng. Diện tích giảm 52,46 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất rừng đặc dụng; đất quốc phòng; đất an ninh; đất khu công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất sinh hoạt cộng đồng; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở cơ quan).

i) Đất sinh hoạt cộng đồng

Năm 2024, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 38,25 ha, tăng 0,87 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích tăng 1,51 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất ở tại nông thôn; đất chưa sử dụng. Diện tích giảm 0,64 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất khu công nghiệp; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

j) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Năm 2024, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 6,67 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023.

k) Đất ở tại nông thôn

Năm 2024, diện tích đất ở tại nông thôn là 1.170,54 ha, tăng 222,98 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích tăng 231,54 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất có mặt nước chuyên dùng; đất chưa sử dụng. Diện tích giảm 8,56 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất khu công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sinh hoạt cộng đồng; đất xây dựng trụ sở cơ quan).

l) Đất ở tại đô thị

Năm 2024, diện tích đất ở tại đô thị là 104,01 ha, tăng 28,22 ha so với hiện trạng năm 2023. (Diện tích tăng 28,85 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Diện tích giảm 0,63 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

m) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Năm 2024, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 17,16 ha, tăng 0,56 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng 0,72 ha do lấy từ các loại đất sau: Đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất ở tại nông thôn. Diện tích giảm 0,16 ha do chuyển sang đất an ninh).

n) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Năm 2024, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 11,16 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023.

o) Đất tín ngưỡng

Năm 2024, diện tích đất tín ngưỡng là 8,85 ha, giảm 0,06 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

p) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Năm 2024, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 1.447,20 ha, giảm 45,06 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau: Đất rừng đặc dụng; đất khu công nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất ở tại nông thôn.

q) Đất có mặt nước chuyên dùng

Năm 2024, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 1.116,69 ha, giảm 49,19 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau: Đất thương mại, dịch vụ; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất ở tại nông thôn.

r) Đất phi nông nghiệp khác

Năm 2024, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 1,65 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023.

2.2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng

Năm 2024, diện tích đất chưa sử dụng là 2.123,55 ha, chiếm 1,51% tổng diện tích đất tự nhiên, giảm 232,35 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau: Đất rừng phòng hộ; đất an ninh; đất khu công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất sinh hoạt cộng đồng; đất ở tại nông thôn.

2.2.4. Danh mục các công trình dự án thực hiện năm 2024

Trong năm 2024 tổng số công trình, dự án đề xuất thực hiện là 176 với tổng diện tích là 2.364,29 ha.

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

3. Giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung như sau:

- Tiến hành công bố rộng rãi kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lê Thủy trên các phương tiện thông tin đại chúng, công khai tại trụ sở UBND huyện theo quy định, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn niêm yết số liệu kế hoạch sử dụng đất tại địa phương mình theo quy định; kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sử dụng đất được duyệt, kiểm tra và ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền đúng quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về đất đai.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ đầu tư của các dự án thuê đất; yêu cầu các tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thực hiện đúng tiến độ đầu tư như đã cam kết trong dự án.

- Thực hiện các chính sách ưu tiên để tạo sức thu hút phát triển công nghiệp, các ngành dịch vụ, du lịch; các chính sách bồi thường, hỗ trợ kịp thời, phù hợp đối với đất đai cần thu hồi. Khuyến khích các loại hình công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp sử dụng đất quy mô nhỏ...

4. Kiến nghị, đề xuất

4.1. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng thời gian quy định của Luật Đất đai, tạo điều kiện để triển khai các công trình dự án theo đúng tiến độ.

- Chỉ đạo các Sở, Ban ngành liên quan có sự thống nhất cao khi đề xuất các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất đảm bảo thống nhất trong quá trình thực hiện.

4.2. Đối với HĐND huyện

Tăng cường công tác giám sát công tác quản lý nhà nước về đất đai của UBND các xã, thị trấn nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý theo thẩm quyền của chính quyền cấp xã;

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lệ Thủy./.

Nơi nhận:

- Ban TV. Huyện ủy; | (B/c)
- TT. HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Ban Kinh tế Xã hội HĐND huyện;
- Các vị ĐB HĐND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị liên quan;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hán